

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng năm 2021

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo tình hình kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng năm 2021 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Ngày 24/12/2020, UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Kế hoạch số 142/KH-UBND thực hiện cải cách hành chính năm 2021; trong đó, tỉnh xác định rõ 07 nhiệm vụ với 29 phần việc cần thực hiện trong năm liên quan đến cải cách hành chính (CCHC) gồm: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính (TTHC); Cải cách tổ chức bộ máy (TCBM); Cải cách công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử và công tác chỉ đạo điều hành CCHC; đồng thời phân công cụ thể cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện từng nhiệm vụ. Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, 30/30¹ sở ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện CCHC và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, phần việc đã đề ra trong kế hoạch CCHC của tỉnh và của từng đơn vị, đảm bảo tiến độ và đạt hiệu quả.

Hiện nay, tỉnh đã và đang triển khai thực hiện 16/29 phần việc theo Kế hoạch CCHC của tỉnh, đạt tỷ lệ 55,17%.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như: Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); theo dõi thi hành pháp luật (THPL) trên địa bàn tỉnh; quản lý công tác THPL về xử lý vi phạm hành chính (VPHC); phổ biến, giáo dục pháp luật (PL); thực hiện công tác pháp chế; kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC; kiểm tra hoạt động duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (QLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan HCNN tỉnh Sóc Trăng; kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong

¹ Bao gồm: 18/18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp và 11/11 UBND cấp huyện.

hoạt động của các cơ quan nhà nước và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh thực hiện công tác CCHC²; tăng cường thực hiện cải cách TTHC, đổi mới thực hiện cơ chế một cửa và xây dựng Chính phủ điện tử³; tăng cường thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh⁴.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai “*Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính (TTHC): Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi*”⁵; “*Đề án liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/Hỗ trợ chi phí mai táng/Hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh*”⁶; Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN các cấp trong công tác CCHC; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan HCNN các cấp; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 24/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Thực hiện Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ Nội vụ, tỉnh đã triển khai công tác tự chấm điểm, thực hiện kế hoạch điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2020 và báo cáo về Bộ Nội vụ theo quy định.

Thực hiện chấm điểm, thẩm định Chỉ số CCHC năm 2020 tại 46 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh⁷ và triển khai thực hiện Phương án điều tra xã hội học (ĐTXXH)⁸ phục vụ xác định Chỉ số CCHC, Chỉ số Sipas của sở ngành, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh năm 2020. Ngày 09/3/2021, tỉnh đã ban hành Quyết định công bố kết quả Chỉ số CCHC và Chỉ số Sipas năm 2020 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh⁹. Kết quả cụ thể như sau:

² Công văn số 440/UBND-TH ngày 19/3/2021.

³ Công văn số 714/UBND-KSTT ngày 04/5/2021.

⁴ Công văn số 989/UBND-KSTT ngày 04/6/2021.

⁵ Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 31/7/2015.

⁶ Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 30/11/2018.

⁷ Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Chỉ số CCHC của sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

⁸ Quyết định số 92/QĐ-UBND, ngày 19/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

⁹ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 09/3/2021.

ST T	Xếp loại Chỉ số CCHC năm 2020		Sở ngành	UBND cấp huyện	Đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh	Cơ quan ngành dọc	Tổng cộng
1	Chỉ số CCHC trên 90%	Rất tốt					
2	Chỉ số CCHC từ 80% đến 90%	Tốt	12	1	2	5	20
3	Chỉ số CCHC từ 65% đến dưới 80%	Khá	7	10	3	1	21
4	Chỉ số CCHC từ 50% đến dưới 65%	Trung bình	1		2		3
5	Chỉ số CCHC dưới 50%	Kém			1	1	2
TỔNG CỘNG			20	11	8	7	46

Đối với Chỉ số Sipas, tỉnh thực hiện khảo sát đối với 45 cơ quan, đơn vị. Kết quả có 41/45 đơn vị đạt tỷ lệ hài lòng từ 80% trở lên, trong đó có 04 đơn vị đạt kết quả tuyệt đối với tỷ lệ 100%, bao gồm: Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Trường Bồ túc Văn hóa Pali Trung cấp Nam bộ và UBND thị xã Ngã Năm.

Hiện nay, tỉnh đang xây dựng Bộ Chỉ số CCHC áp dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2021 và các năm tiếp theo.

Ngoài ra, tỉnh đã tổ chức Hội nghị công bố kết quả Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban ngành - DDCI Sóc Trăng năm 2020; Hợp mặt doanh nghiệp với chủ đề “Hỗ trợ doanh nghiệp dưới tác động của dịch bệnh Covid-19”, thành lập “Tổ công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp” để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; xây dựng Phần mềm cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.

3. Về kiểm tra CCHC

Để đánh giá việc thực hiện công tác CCHC tại các sở ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2021 về kiểm tra công tác CCHC năm 2021. Theo kế hoạch, tỉnh thực hiện kiểm tra 10¹⁰ sở, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tỉnh tập trung kiểm tra toàn diện các nội dung CCHC các các cơ quan, đơn vị. Hoạt động kiểm tra được tổ chức từ tháng 6 đến tháng 8 của năm.

Bên cạnh đó, tỉnh đang chuẩn bị các nội dung để tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực công chức và kiểm tra kỹ năng tin học đối với chức danh lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã năm 2021.

¹⁰ Các Sở: Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện Mỹ Tú, Trần Đề, Thạnh Trị, thị xã Ngã Năm và thành phố Sóc Trăng.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Năm 2021, tỉnh thực hiện tuyên truyền CCHC theo Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 26/01/2021 với 13 nội dung chính. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành tỉnh, UBND cấp huyện, Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tập trung tuyên truyền định kỳ hàng tháng trên Chuyên mục CCHC về nội dung, mục đích, ý nghĩa chương trình CCHC; nội dung Kế hoạch số 142/KH-UBND, ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh về thực hiện CCHC năm 2021; những kết quả đạt được trong thực hiện CCHC của tỉnh trong năm 2020; đánh giá kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số Sipas của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2020; giới thiệu các mô hình hay, giải pháp CCHC hiệu quả góp phần xây dựng chính quyền thân thiện; đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh năm 2020.

Tính đến thời điểm báo cáo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã thực hiện 06 chuyên mục, chuyên đề phát thanh và truyền hình, hơn 100 tin bài về CCHC, hoạt động công vụ, phát sóng khoảng 30 lượt tin bài trong chương trình thời sự phát thanh và truyền hình tiếng Việt, tiếng Khmer của Đài. Báo Sóc Trăng đã đăng 25 tin, bài phản ánh các vấn đề liên quan đến công tác CCHC trên địa bàn tỉnh qua 02 dạng báo in và báo điện tử. Ngoài ra, Đài Truyền thanh cấp huyện định kỳ phát sóng nhiều trang tin về CCHC.

Hiện nay, tỉnh đang chuẩn bị các nội dung để tổ chức Hội thi trực tuyến Cải cách hành chính năm 2021 và xây dựng kênh Zalo official tuyên truyền CCHC.

Tỉnh cũng tăng cường tuyên truyền nhiều nội dung, thông tin chỉ đạo, điều hành CCHC trên Chuyên trang CCHC của tỉnh tại địa chỉ cchc.soctrang.gov.vn, trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và các cổng thông tin thành phần của các sở, ban ngành và UBND cấp huyện. Duy trì sử dụng hộp thư thoại **0299.3.816.816** để tiếp nhận thắc mắc, kiến nghị của người dân, tổ chức để phục vụ Chuyên mục Dân hỏi - Chính quyền trả lời.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Về cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng và ban hành VBQPPL

Trên cơ sở kết quả rà soát VBQPPL trên địa bàn tỉnh năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của HĐND, UBND tỉnh Sóc Trăng năm 2020¹¹; báo cáo kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát VBQPPL trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2020 và ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 15/01/2021 kiểm tra, xử lý, rà soát VBQPPL trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021, Kế hoạch

¹¹ Bao gồm: 11 văn bản (gồm 06 Nghị quyết; 05 Quyết định) hết hiệu lực một phần; 26 văn bản (gồm 06 Nghị quyết; 20 Quyết định) hết hiệu lực toàn bộ.

số 71/KH-UBND ngày 24/5/2021 rà soát VBQPPL theo chuyên đề cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua 04 Nghị quyết QPPL và ban hành 16 Quyết định QPPL; thực hiện tự kiểm tra 16/16 Quyết định; kiểm tra theo thẩm quyền 01 Nghị quyết của HĐND cấp huyện, qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu chưa phù hợp pháp luật; rà soát thường xuyên 11 VBQPPL, kết quả rà soát đã thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 11/11 văn bản. Quá trình xây dựng VBQPPL tuân thủ đúng quy trình của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, VBQPPL ban hành có chất lượng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và có nhiều tác động tích cực trong hoạt động quản lý nhà nước của tỉnh.

Nhằm triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL và tăng cường hiệu quả thi hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 25/3/2021 thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Bên cạnh đó, tỉnh còn báo cáo theo chuyên đề một số nội dung như: báo cáo rà soát, nhận diện đầy đủ các tồn tại, hạn chế của quy định pháp luật trước những tác động mạnh mẽ, dài hạn của đại dịch Covid-19; báo cáo rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định hành chính của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội; báo cáo kết quả rà soát, đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật.

1.2. Thực hiện theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh theo dõi thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021, tỉnh lựa chọn 03 lĩnh vực trọng tâm, liên ngành để thực hiện theo dõi trong năm 2021 đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực trọng tâm theo Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 13/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ gồm: theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, rừng¹²; lĩnh vực bảo vệ môi trường biển và lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy¹³.

¹² Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành triển khai thực hiện.

¹³ Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành triển khai thực hiện.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch Kiểm tra¹⁴ và Quyết định¹⁵ thành lập Đoàn kiểm tra, khảo sát tình hình THPL lĩnh vực bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh năm 2021 và thông báo đến các đơn vị được kiểm tra, khảo sát. Dự kiến thực hiện kiểm tra, khảo sát vào quý III/2021.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2021 thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2021, Kế hoạch¹⁶ và Quyết định¹⁷ thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2021; thông báo đến các đơn vị được kiểm tra. Hiện nay tỉnh đang thực hiện kiểm tra tại 04 đơn vị huyện và 12 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh thường xuyên thực hiện thu thập thông tin về theo dõi thi hành pháp luật, tiếp tục vận hành chuyên mục “Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật” trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Ngoài ra, UBND tỉnh còn ban hành văn bản¹⁸ chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Kế hoạch thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021 và đơn đốc triển khai Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh năm 2021.

2. Cải cách TTHC

2.1. Về kiểm soát, rà soát TTHC

Ngày 07/01/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2021. Tỉnh luôn quan tâm kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới TTHC, chỉ đạo các cấp, các ngành không được tự quy định TTHC trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa phát sinh văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh có quy định TTHC.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 12/01/2021 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 trên địa bàn tỉnh đối với 10 TTHC thuộc 07 nhóm¹⁹ quy định được lựa chọn để các sở ngành, UBND cấp huyện xây dựng Kế

¹⁴ Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 04/05/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

¹⁵ Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 11/05/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thành lập Đoàn Kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

¹⁶ Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021.

¹⁷ Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021.

¹⁸ Công văn số 181/UBND-NC ngày 02/02/2021 của chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng và Công văn số 231/UBND-NC ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc đơn đốc triển khai thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

¹⁹ TTHC thuộc các lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước, Đường bộ, Trọng tài thương mại, Thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, Du lịch, Thú y và Quản lý hoạt động xây dựng.

hoạch và tổ chức triển khai việc rà soát, đánh giá TTHC thuộc lĩnh vực quản lý theo tiến độ Kế hoạch đề ra.

Trên cơ sở các Quyết định công bố TTHC được chuẩn hóa của các Bộ, ngành trung ương, UBND tỉnh ban hành 53 Quyết định công bố đối với 340 TTHC, trong đó: công bố mới 168 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 09 thủ tục; bãi bỏ, thay thế 163 thủ tục; thực hiện cập nhật và “chuẩn hóa” dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và ban hành 28 văn bản gửi các cơ quan có liên quan để niêm yết công khai và đăng tải trên Trang tin điện tử. Tính đến thời điểm hiện nay, tổng số TTHC trên địa bàn tỉnh đã được công bố, công khai còn hiệu lực thi hành là 1.822 thủ tục, trong đó: thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh 1.431 thủ tục; áp dụng tại cấp huyện 263 thủ tục và áp dụng tại cấp xã 128 thủ tục.

Công tác tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị (Hệ thống) của Cổng Dịch vụ công Quốc gia được quan tâm, theo dõi định kỳ; tỉnh thực hiện nghiêm túc việc quản lý, sử dụng tài khoản đăng nhập Hệ thống theo quy định. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện niêm yết thống nhất thông tin địa chỉ tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về quy định hành chính²⁰ tại Bảng niêm yết TTHC, xây dựng, tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Trang thông tin điện tử của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, Chuyên trang CCHC của tỉnh. Trong thời gian qua, toàn tỉnh đã tiếp nhận trực tiếp 07 phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống liên quan đến các nội dung về khiếu nại đất đai, trật tự an ninh xã hội, tư pháp, bảo hiểm y tế, dịch vụ cung cấp điện sinh hoạt và đã hoàn thành việc trả lời, đăng tải công khai nội dung trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo quy định²¹.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa (trừ một số TTHC thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP). Trong tỉnh có 93 TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp; trong đó có 56 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, 37 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền²².

²⁰ Thông báo số 54/TB-VPUBND ngày 07/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh.

²¹ 07 văn bản trả lời phản ánh, kiến nghị bao gồm: Công văn số 195/TĐ-BTCD ngày 22/12/2020 của Ban Tiếp công dân tỉnh Sóc Trăng; Công văn số 13/CV-TCD ngày 08/3/2021 và Công văn số 35/CV-TCD ngày 12/5/2021 của Ban Tiếp công dân thành phố Sóc Trăng; Công văn số 179/UBND-VP ngày 15/3/2021 của UBND huyện Mỹ Xuyên; Công văn số 169/UBND-VX ngày 28/4/2021 của UBND xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu; Công văn số 2724/PCST-KD ngày 21/5/2021 của Công ty Điện lực Sóc Trăng và Công văn số 848/BHXXH-TTKT ngày 09/6/2021 của Bảo hiểm xã hội tỉnh.

²² Trong các lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh, lý lịch tư pháp, tài nguyên và môi trường, đăng ký đầu tư, quản lý công sản, đất đai... và liên thông tại 109 xã, phường, thị trấn đối với 03 nhóm TTHC: “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi”, “Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 12 Quyết định phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết đối với 155 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của các sở, ngành tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giải quyết TTHC “thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp; Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh; đôn đốc các cơ quan có liên quan thực hiện đồng bộ dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tăng cường cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên mức độ 4, tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; cung cấp thông tin TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, TTHC đồng bộ kết quả xử lý hồ sơ, thông tin doanh nghiệp thực hiện TTHC và số lượt người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện TTHC năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường thực hiện công tác cải cách TTHC tại đơn vị, tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cấp Cổng Dịch vụ công của tỉnh, quan tâm cải tạo trụ sở Bộ phận Một cửa, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và cử công chức tham gia các lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và thực hiện tốt công tác phối hợp với các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp. Bên cạnh đó, toàn tỉnh đã thực hiện chấm điểm, tổng hợp kết quả, đánh giá giải quyết TTHC định kỳ của các đơn vị có TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và công khai kết quả phân loại giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

2.3. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Trong 6 tháng đầu năm 2021, toàn tỉnh đã tiếp nhận 491.266 hồ sơ (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến), trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ là 482.475 hồ sơ (hồ sơ tiếp nhận trực tuyến là 10.541 hồ sơ và hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích là 471.934 hồ sơ); số từ kỳ trước chuyển qua là 8.791 hồ sơ.

Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến):

- Số hồ sơ đã giải quyết là 485.011 hồ sơ, trong đó: Giải quyết trước hạn: 246.580 hồ sơ; đúng hạn: 238.338 hồ sơ; quá hạn: 93 hồ sơ (62 hồ sơ quá hạn do

chậm xử lý trên phần mềm một cửa điện tử, 31 hồ sơ quá hạn còn lại đã thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi người dân bằng văn bản).

- Số hồ sơ đang giải quyết 6.255 hồ sơ, trong đó: Giải quyết trong hạn 6.222 hồ sơ, quá hạn: 33 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy HCNN

Tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh có 18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 01 ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh, 139 tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập và 613 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh²³, so với năm 2015, tỉnh đã thực hiện cắt giảm 14,28% đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (102 đơn vị).

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã xây dựng và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua Phương án xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và Phương án bố trí số lượng cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Dự kiến sau khi sắp xếp, kiện toàn, tỉnh giữ ổn định 18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, giảm 33 phòng thuộc sở (từ 131 phòng xuống còn 98 phòng), giảm 04 Chi cục, tương đương trực thuộc sở (còn 13 chi cục, tương đương); giảm 21 phòng thuộc cơ cấu tổ chức của Chi cục và tương đương thuộc sở (từ 54 phòng xuống còn 33 phòng) và giảm 10 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (trong đó có 01 Phòng Dân tộc và 09 Phòng Y tế). Đối với số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tỉnh dự kiến có 02 cơ quan có 04 Phó Giám đốc, 14 cơ quan có 03 Phó Giám đốc và 02 cơ quan có 02 Phó Giám đốc. Tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cơ bản được sắp xếp, tổ chức lại theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả, đảm bảo điều kiện về số lượng biên chế công chức tối thiểu thành lập phòng, tương đương, đảm bảo bố trí số lượng cấp phó theo quy định và các tiêu chí khác; tránh được sự chồng chéo, bỏ trống chức năng và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Tính đến thời điểm báo cáo, 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã xây dựng và tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo quy định sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.

Quyết định thành lập Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp Sóc Trăng trực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng; Quyết định thành lập, kiện toàn 25 Ban Chỉ đạo và Hội đồng cấp tỉnh²⁴.

²³ Trong đó có 06 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, 100 đơn vị sự nghiệp thuộc sở ngành và tương đương, 507 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện.

²⁴ Thành lập Ban Chấp hành phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh; Ban Chỉ đạo Đại hội Thể dục Thể thao các cấp tỉnh Sóc Trăng lần thứ IX năm 2021-2022; Ban Chỉ huy phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Về biên chế công chức, tỉnh đã giao 1.878 biên chế công chức và 280 chỉ tiêu Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ cho các cơ quan hành chính nhà nước (HCNN) thuộc HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện, sở ban ngành tỉnh²⁵; tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo là 1.736 người. Tỉnh đã thực hiện tinh giản đối với 12 công chức; đạt tỷ lệ tinh giản 10,14% biên chế so với năm 2015.

Về số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập, tỉnh đã giao tổng số 21.091 người làm việc. Tại thời điểm báo cáo, số người làm việc có mặt là 19.730 người; thực hiện tinh giản 84 người, so với năm 2015, tỉnh đã thực hiện tinh giản 12,39%.

Tỉnh đã báo cáo Bộ Nội vụ về vị trí việc làm, tình hình thực hiện biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; báo cáo việc tiếp nhận biên chế công chức, lao động hợp đồng từ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sóc Trăng thuộc Văn phòng Quốc hội về UBND tỉnh Sóc Trăng quản lý.

4. Cải cách chế độ công vụ

Toàn tỉnh có 31 cơ quan, tổ chức hành chính và 612 đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định.

Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh thực hiện tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt đối với 21 công chức; tổ chức xét chuyển 30 cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên; tuyển dụng 241 viên chức thông qua hình thức thi tuyển, xét tuyển; bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 85 công chức, 16 viên chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương năm 2020, tỉnh Sóc Trăng; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 09 viên chức; công nhận kết quả kỳ khắc phục quy trình tuyển dụng 24 công chức, 15 viên chức đối với ứng viên tốt nghiệp theo Đề án ST 150; tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên, cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2020, tỉnh Sóc

trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Ban Chỉ đạo Tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 – 2030; Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2030; Ban Soạn thảo các văn kiện, kế hoạch đồng viên năm 2021 tỉnh Sóc Trăng; Hội đồng quản lý và ban hành Quy chế và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sóc Trăng. Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác phòng không nhân dân; Hội đồng Giáo dục Quốc phòng và an ninh; Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Ban Chỉ đạo Dự án phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ; Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Kiện toàn và thay đổi thành viên tổ chức phối hợp liên ngành thường trực là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; kiện toàn Ban Tuyển sinh Quân sự tỉnh Sóc Trăng; kiện toàn Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ - thành lập Khu vực phòng thủ huyện Trần Đề, huyện Kế Sách và thị xã Ngã Năm; kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh, huyện; kiện toàn Ban Chỉ đạo chính quyền điện tử; kiện toàn Ban chỉ đạo nhóm công tác liên ngành Bảo vệ trẻ em tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025; kiện toàn Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ; kiện toàn Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy lập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ tỉnh Sóc Trăng; thành lập, kiện toàn và thay đổi thành viên Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện (thành phố Sóc Trăng, Trần Đề, Thạnh Trị, Vĩnh Châu).

²⁵ Quyết định số 4057/QĐ-UBND ngày 24/12/2020.

Trắng với 27 chỉ tiêu; phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp với 785 chỉ tiêu²⁶.

Thực hiện bổ nhiệm mới 09 lãnh đạo cấp sở, 18 lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và 25 lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện.

Tỉnh đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2021²⁷ và giai đoạn 2021 - 2025²⁸. Theo kế hoạch, năm 2021 tỉnh dự kiến mở 181 lớp đào tạo, bồi dưỡng (126 lớp sử dụng kinh phí tập trung và 55 lớp sử dụng kinh phí không tập trung), đào tạo sau đại học 06 chỉ tiêu tiến sĩ và 15 chỉ tiêu Chuyên khoa II. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh đã ra Quyết định cử dự tuyển 23 trường hợp²⁹, cử đi học 14 trường hợp³⁰; hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học 02 trường hợp. Tỉnh đang xây dựng dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút nguồn nhân lực, giai đoạn 2021-2025.

5. Cải cách tài chính công

Toàn tỉnh có 284/284³¹ đơn vị triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Trong 6 tháng đầu năm có 20 đơn vị cấp tỉnh được thẩm định quy chế chi tiêu nội bộ.

Tỉnh có 530 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, huyện đã được giao quyền tự chủ về tài chính và lập phương án tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Hiện nay có 15 đơn vị đã được thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ.

Trên địa bàn tỉnh có 02 đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ là Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường chất lượng.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử, phiên bản 2.0; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2021 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025.

²⁶ Trung tâm Phát triển quỹ đất: 08 chỉ tiêu; UBND thành phố Sóc Trăng: 118 chỉ tiêu; Sở Y tế: 212 chỉ tiêu; Sở Giáo dục và Đào tạo: 120 chỉ tiêu; Bệnh viện Đa khoa tỉnh: 190 chỉ tiêu; UBND huyện Trần Đề: 123 chỉ tiêu; Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng huyện Kế Sách: 09 chỉ tiêu; Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Sóc Trăng: 05 chỉ tiêu.

²⁷ Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 12/4/2021.

²⁸ Kế hoạch số 26a/KH-UBND ngày 08/02/2021.

²⁹ Dự tuyển: Tiến sĩ (02); Thạc sĩ (14); Chuyên khoa cấp I (03); Bác sĩ và Thạc sĩ chuyên môn y tế (04).

³⁰ Đi học: Thạc sĩ (02); Chuyên khoa I (02); Thanh tra viên chính (01); Thanh tra viên cao cấp (02); bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý các Sở, cấp huyện và tương đương (07)

³¹ 39/39 đơn vị cấp tỉnh, 136/136 đơn vị cấp huyện (bao gồm các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện) và 109/109 đơn vị cấp xã.

Hiện nay, tỉnh đã xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến liên thông 3 cấp từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã; hoàn thành Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; triển khai hoàn tất hệ thống Một cửa điện tử cho 100% sở ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và đồng bộ, liên thông lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh (tại địa chỉ: dichvucong.soctrang.gov.vn); thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã đạt tỷ lệ 100%. Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh là 122.710 văn bản, trong đó có 62% văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và 11% văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy.

Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 là 321 TTHC và 910 TTHC được cung cấp ở mức độ 4; 1% hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4,7% hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4. Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã đồng bộ trạng thái xử lý của 1.363 TTHC với Cổng dịch vụ công quốc gia; cung cấp, tích hợp 341 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia và đang thực hiện tích hợp tiếp tục các DVCTT mức 3, 4 còn lại theo tiến độ của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã thực hiện tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên nền tảng thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia. Triển khai ứng dụng Zalo để thực hiện tra cứu kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (tra cứu mã hồ sơ, quét mã QR code qua Zalo...), cung cấp thông tin chỉ đạo điều hành, các thông tin về kinh tế - xã hội nhanh chóng, hiệu quả.

Tỉnh đã công bố triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) đối với 723 TTHC. Tính đến thời điểm báo cáo, có 50 TTHC với 17.837 hồ sơ TTHC được tiếp nhận và 126 TTHC với 104.435 hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ BCCI.

Năm 2021, tỉnh thực hiện kiểm tra trực tiếp hoạt động duy trì và cải tiến ISO 9001 tại 74 đơn vị và kiểm tra hồ sơ, báo cáo của 77 đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 10/3/2021. Hoạt động kiểm tra tổ chức từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021.

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ³², công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa được “*nhận lương, phụ cấp, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác (nếu có) tại cơ quan đã cử đến Bộ phận Một cửa*”. Tuy nhiên, Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ Tài chính³³ (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019 và thay thế Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính) không hướng dẫn về vấn đề này. Do đó, địa phương gặp khó khăn,

³² Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện TTHC.

³³ Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác CCHC.

lúng túng trong việc xác định căn cứ để tiếp tục chi phụ cấp cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện chế độ, chính sách, mức chi phụ cấp cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC 6 tháng năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng, báo cáo Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ);
- Sở Nội vụ;
- Email: VuCCHC@moha.gov.vn;
- Lưu: TH, VT 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Lâu

Phụ lục

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI TỈNH SÓC TRĂNG 6 THÁNG NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			142/KH-UBND ngày 24/12/2020
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	19	
1.2.	Kiểm tra CCHC			21/KH-UBND ngày 02/02/2021, hoạt động kiểm tra dự kiến tổ chức từ tháng 6 đến tháng 8/2021
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	08	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	02	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	02	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	11	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	1	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	6	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	6	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	6	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	168	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	163	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.822	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.431	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	263	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	128	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Vận hành Công dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.363	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	341	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	56	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	37	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	71,75	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	71,45	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,87	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,98	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	99,98	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.5.	Vận hành Công dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.822	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	1.231	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	675	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	18	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	1	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	146	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	613	
Trong đó	Số ĐVSNCCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	6	
	Số ĐVSNCCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	100	
	Số ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	507	
	Tỷ lệ ĐVSNCCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	14,28	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.883	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.736	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	284	
4.2.4.	Số biên chế đã tỉnh gián trong kỳ báo cáo	Người	12	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tỉnh gián so với năm 2015	%	10,14	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	21.091	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	19.730	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	84	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,39	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	31	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	612	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	21	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	30	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	241	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	9	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	18	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	25	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	30	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	30	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	468	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		100	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	122.710	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	62	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	11	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	321	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	910	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	1	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	4,7	